

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2023/DS-PT

Ngày 23/8/2023

V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, Tranh chấp quyền sử dụng đất, Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận QSD đất, hợp đồng đổi đất, đòi lại tài sản là QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 16 và 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất; tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 330/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2023/QĐ-PT ngày 19/7/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 405/TB-TA ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn Đ, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Văn O, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho ông Lê Văn O: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B N, Phường B, TP ., tỉnh Đồng Tháp (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn O: Luật sư Nguyễn Tấn T – Chi nhánh Công ty L3 và Cộng sự.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bùi Thị N, sinh năm 1959

3.2. Lê Văn B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Lê Thị Hồng G, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số E, N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Lê Thị T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Lê Thị L, sinh năm 1951.

3.6. Lê Văn T2, sinh năm 1978.

3.7. Lê Văn C, sinh năm 1982.

3.8. Trần Thị Minh H1, sinh năm 1979

3.9. Lê Thanh T3, sinh năm 2000

3.10. Phạm Thị Minh T4, sinh năm 1981

3.11. Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1955

3.12. Lê Văn T5, sinh năm 1980

3.13. Lê Ngọc P, sinh năm 1980

3.14. Lê Ngọc D, sinh năm 1989

3.15. Lê Hữu T6, sinh năm 1985

3.16. Lê Ngọc T7, sinh năm 1987

3.17. Ngô Văn T8, sinh 1956

3.18. Ngô Văn T9, sinh năm 1981

3.19. Ngô Văn H2, sinh năm 1984

3.20. Ngô Văn E, sinh năm 1986

3.21. Ngô Thị Thùy D1, sinh năm 1989

3.22. Ngô Văn M, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

3.23. Ủy ban nhân dân huyện T

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Đ có đơn xin vắng mặt; anh H, Luật sư T, anh B, anh T2, anh C, anh T6 có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:**

Ông là con của cụ Lê Văn C1 (cụ C1 chết năm 2013) và cụ Nguyễn Thị T10 (cụ T10 chết năm 2014). Lúc sinh thời cụ C1 và cụ T10 có tổng cộng 3 người con gồm: Lê Thị L, Lê Văn O và Lê Văn Đ. Cụ C1 và cụ T10 tạo tập được tổng cộng diện tích 52.863m² (phần đất này cụ C1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/1994) đến ngày 23/10/2008 cụ C1 tặng cho ông diện tích tại các thửa: 341, 342 và 383 (nên cụ C1 còn đứng tên diện tích: 40.706m²) và diện tích đất khoảng 38.000m² cụ C1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhưng cụ C1 đứng tên trong Sổ mục kê).

Vào ngày 17/01/2010, cụ Lê Văn C1 và cụ Nguyễn Thị T10 lập biên bản họp mặt gia đình chia đất cho con. Tại buổi họp mặt có cụ Lê Văn C1, cụ Nguyễn Thị T10, chị Lê Thị L, anh Lê Văn O và tôi Lê Văn Đ, người ghi biên bản là ông Huỳnh Hồng N1 (cán bộ Tư pháp). Cụ C1 và cụ T10 thống nhất chia đất cho các con như sau:

Chị Lê Thị L được chia 12 công tầm cắt (đất trồng lúa) nằm ở hai vị trí: Phần thứ nhất nằm ở kênh M, sau nhà cụ C1 được chia 5 công tầm cắt (phần đất này bà L hiện đã đứng tên); phần thứ hai nằm ở Kênh G thước (là sau nhà Lê Văn T2, con ông Lê Văn O) là 07 công (phần đất này cụ C1 đang đứng tên).

Anh Lê Văn O được chia: Tại kênh 7 thước là 12 công (hiện anh Lê Văn T2, con ông Lê Văn O đang cắt nhà ở và canh tác); phần đất kênh M (thì anh Lê Văn O đang canh tác). Các phần đất này cụ C1 đang đứng tên trên giấy và đứng tên trong Sổ mục kê.

Ông Lê Văn Đ được chia: Đất kênh 7 thước là 6 công (hiện Lê Văn C, con tôi đang canh tác) cụ C1 đang đứng tên. Phần thứ 2 là phần đất thổ cư và cây lâu năm ngay tại nhà của cụ C1 và cụ T10 (cụ C1 đang đứng tên) và một phần đất ruộng 25.000m² (hiện con ông là Lê Văn C đang đứng tên).

Theo văn bản họp mặt gia đình ngày 17/01/2010, thì các con của cụ C1 và cụ T10 đã thực hiện. Hiện nay, phần đất Kênh M (bà Lê Thị L đang sử dụng và đã đứng tên trên giấy) còn phần đất kênh 7 thước bà L đang canh tác, nhưng chưa đứng tên. Phần đất anh Lê Văn O được chia tại kênh M thì ông Lê Văn O đã nhận và đang sử dụng, phần đất tại kênh 7 thước thì Lê Văn T2 (con ông Lê Văn O) đang sử dụng và cắt nhà ở trên đất (nhưng cụ C1 đang đứng tên). Phần của ông là Lê Văn Đ được chia tại kênh M thì ông đã nhận đất và sử dụng (hiện con ông là Lê Văn C đang sử dụng và đứng tên phần đất ruộng 25.000m² và đã xây nhà ở trên phần đất thổ cư ngay nhà cụ C1, cụ T10) và phần kênh 7 thước C cũng sử dụng (nhưng cụ C1 đang đứng tên); nên việc ông Lê Văn O yêu cầu tranh chấp yêu cầu trả lại diện tích mà con ông là Lê

Văn C đang đứng tên quyền sử dụng đất thửa 330 (nay là thửa 212) ông không đồng ý. Nay ông làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười giải quyết là chia đất cho các con và cháu của cụ C1 và cụ H3 theo như văn bản hợp mặt gia đình ngày 17/01/2010; để các con và cháu cụ C1 và cụ H3 được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đúng theo vị trí đất được chia và đã nhận.

*** Bị đơn ông Lê Văn O có anh Trần Đình H4 là người được ông O ủy quyền trình bày:** Không đồng ý theo yêu cầu của ông Lê Văn Đ, ông O thừa nhận ông có ký tên vào biên bản hợp mặt gia đình ngày 17/01/2010, khi hợp mặt gia đình có cụ Lê Văn C1, cụ Nguyễn Thị T10, Lê Thị L, Lê Văn Đ, Lê Văn O và anh Huỳnh Hồng N1 (người ghi biên bản). Cha ông và mẹ ông ghi phần đất trong biên bản ngày 17/01/2010 có phần đất tại mục số (II) trong biên bản là ông không đồng ý, vì phần đất này là của ông O trả thành quả của ông N2 nên là đất của ông O và phần đất bên ngoài là của ông (tại mục số III), nên việc ghi vào biên bản ngày 17/01/2010 là ông O không đồng ý, vì là đất này là của ông O.

Ông Lê Văn O có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn C, phải trả lại cho ông diện tích đất là 17,28 công (diện tích đo đạc thực tế 17.987m²), thuộc thửa 330 (nay là thửa 212), tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; hiện nay phần đất này con của ông Lê Văn Đ (là Lê Văn C) đang canh tác và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo bản đồ chính quy hiện nay là thửa 212, tờ bản đồ số 3, diện tích 25.500m²). Vì phần đất này là do Công ty L4 cấp cho ông nên phải trả lại cho ông. Ngoài ra, ông Lê Văn O yêu cầu chia cho ông O phần đất ngang 15m x dài đến kênh kiến thiết thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; vì lúc trước cha mẹ có hứa cho ông O để ông ra riêng cất nhà, nhưng ông O không cất mà đi kinh tế mới, nên yêu cầu chia đất theo lời cho của cha, mẹ (cho không giấy tờ chỉ nói miệng), nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông O rút yêu cầu, ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông O phần đất ngang 15m x dài đến kênh kiến thiết thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Còn các phần đất còn lại thì ông đồng ý thực hiện theo tờ phân chia đất ngày 17/01/2010 của cụ C1 và cụ T10. Ngoài ra, ông O còn yêu cầu được đứng tên thửa 208 và thửa 210 (hai phần đất này hiện ông đang canh tác) là hai phần đất thuộc mục số II và mục số III (trong Tờ phân chia đất ngày 17/01/2010), đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:** Bà thống nhất là ngày 17/01/2010 bà có tham gia cuộc họp mặt gia đình và có ký

tên vào biên bản chia đất cho các con của cha mẹ, theo tờ phân chia thì bà được cha, mẹ cho hai phần hiện nay bà đã nhận đất và canh tác phần được cho thứ nhất tại mục số (III) tại kênh 7 thước, hiện bà đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/3/2013, thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 10, diện tích 7.473,6m²; mục đích sử dụng đất trồng lúa. Phần thứ hai tại kênh 7 thước (tại mục số I) bà đã nhận đất và canh tác (nhưng chưa đứng tên) bà yêu cầu thực hiện theo tờ chia đất của cha mẹ để bà được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu của anh Lê Văn T2 (con ông Lê Văn O) yêu cầu bà trả lại một phần diện tích mà anh T2 cho rằng anh T2 đang đứng tên, thì bà không đồng ý, vì phần đất này bà canh tác được cha, mẹ cho sử dụng từ trước đến nay. Ngoài ra, bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 530 (đất lúa) và một phần thửa 531 (đất lúa), một phần thửa 387; phần đất thuộc Kênh G thước, trong vụ án này; nếu sau này có yêu cầu thì bà làm thủ tục nhận thừa kế để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C trình bày:**

Hiện nay, ông Lê Văn O có yêu cầu anh phải trả lại cho ông Lê Văn O diện tích đất là 17,28 công (diện tích đo đạc thực tế 17.987m²), thuộc thửa 330 (nay là thửa 212), tờ bản đồ số 10 (nay là số 3), đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất này hiện anh là Lê Văn C đang canh tác đất và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2019 (theo bản đồ chính quy hiện nay là thửa 212, tờ bản đồ số 3, diện tích 25.500m²), anh Lê Văn C cho rằng:

Việc ông Lê Văn O yêu cầu anh và cha anh là ông Lê Văn Đ trả lại phần đất nói trên là không có căn cứ, vì phần đất là của cha anh là Lê Văn Đ, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/3/2013, diện tích 25.384,6m², tại thửa 330, tờ bản đồ số 10, đúng theo quy định của pháp luật, vì ngày 17/01/2010, gia đình cụ Lê Văn C1 lập biên bản họp mặt gia đình, để chia phần đất cho các con, trong đó gia đình cụ C1 thống nhất cho ông Lê Văn Đ phần đất tại thửa 330, tờ bản đồ số 10; sau khi được cụ Lê Văn C1 giao thừa đất trên cho ông Lê Văn Đ thì ông Lê Văn Đ canh tác lúa 02 vụ. Sau đó, cha anh là ông Lê Văn Đ cho cháu ruột là Lê Văn T2 (con ông Lê Văn O) mướn đất để canh tác trồng lúa 2 vụ. Đến ngày 21/8/2014, cha anh và anh Lê Văn T2 làm Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có thời hạn là 5 năm (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/01/2018) lập tại Ủy ban nhân dân xã M. Ngày 05/10/2012, cha anh là Lê Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã M để kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 330,

đúng theo trình tự thủ tục quy định và có niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã M. Ngày 04/3/2013 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha anh là ông Lê Văn Đ tại thửa 330, tờ bản đồ số 10, diện tích 25.384,6m²; loại đất lúa, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02760.

Đến tháng 12 năm 2017, cha anh là ông Lê Văn Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh là Lê Văn C tại thửa 330, tờ bản đồ số 10, diện tích 25.384,6m²; loại đất lúa, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07035, ngày 11/01/2018.

Việc cấp đất cho cha anh là ông Lê Văn Đ, sau đó ông Lê Văn Đ làm hợp đồng tặng cho lại diện tích đất trên cho anh tại thửa 330 là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Chính vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xem xét, thụ lý giải quyết đơn yêu cầu của anh như sau: Anh yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha anh là ông Lê Văn Đ với anh là Lê Văn C, đối với quyền sử dụng đất có diện tích 25.500m², thuộc thửa 330 (nay là thửa 212), tờ bản đồ số 10 (nay là số 3), đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; phần diện tích đất này anh đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18 tháng 11 năm 2019. Ngoài ra, anh yêu cầu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần thửa 532, một phần thửa 531 (phần đất tại kênh G thước) theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010 (tại mục số I); đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Anh C còn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng đổi đất giữa cụ Lê Văn C1 và anh Lê Văn T2 tại thửa đất 387, diện tích 4.220m² và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lê Văn T2 tại thửa đất 387 mà anh T2 đang đứng tên, đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; để anh được đứng tên một phần thửa 387 mà anh đang sử dụng đất.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T2 trình bày:** Anh yêu cầu anh Lê Văn C và bà Lê Thị L trả lại diện tích đất thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.220m²; vì anh T2 cho rằng phần đất trên anh đã chuyển nhượng của bà Mỹ L1 và canh tác đất từ năm 2004 đến năm 2010, anh T2 cho rằng phần đất này anh Lê Văn C và bà Lê Thị L mỗi người canh tác một phần diện tích đất của anh, vì phần đất này khi chuyển nhượng thì có bờ đê, hiện nay bờ đê đã bị phá anh C và bà L bao chiếm đất của anh, nên trả lại đất cho anh; anh công nhận là anh có đổi đất với cụ C1 và đã thực hiện việc đổi, phần đất thửa 387 thì đất cụ C1 đã lấy canh tác (hiện nay là C và bà L

đang canh tác) nhưng giấy đất thì anh đang đứng tên; nhưng theo anh do chưa đứng tên trên giấy đất phần đất anh và ông Lê Văn C1 (là ông nội) đổi đất nên phần đất thửa 387 là của anh; tại phiên Tòa anh rút yêu cầu khởi kiện, anh không yêu cầu bà L và anh C trả lại diện tích đất thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.220m². Anh cho rằng, ngày 17/01/2010 anh có dự họp mặt gia đình để chia đất, nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không biết nội dung. Ngoài ra, anh T2 còn yêu cầu công nhận phần đất mà anh được ông bà nội cho vào ngày 17/01/2010 (tại mục số I) hiện đất anh đang sử dụng và sử dụng luôn phần đã đổi đất với ông nội, để anh đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 593 (đất thổ) và một phần thửa 532, đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu T6** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn O không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi chị Lê Ngọc P** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn O không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi anh Lê Văn B** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn Đ không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N, Lê Thị Hồng G, Lê Thị T1, Phạm Thị Minh T4** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn Đ không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Minh H1, Lê Thanh T3,** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn T2 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, Lê Văn T5, Lê Ngọc D, Lê Ngọc T7** thống nhất theo ý kiến của ông Lê Văn O không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Văn T8, Ngô Văn T9, Ngô Văn H2, Ngô Văn E, Ngô Thị Thùy D1, Ngô Văn M trình bày:** Thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của bà Lê Thị L, ngoài ra không có yêu cầu và ý kiến gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:** Không có ý kiến và xin được vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân. Ủy ban nhân dân Huyện sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án nhân dân khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông O là Luật sư Nguyễn Tấn T trình bày tranh luận:**

Đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn O, buộc ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn C trả lại diện tích đất 17,2 công (diện tích đo đạc thực tế 17.987m²) một phần thửa 330, hiện anh Lê Văn C đang đứng tên. Vì các lý do : Ông O được Công ty L4 giao đất để trồng tràm và có ông P1 xác nhận vào Tờ Cam kết trồng tràm ngày 05/12/1984 cấp cho ông O diện tích 17,28 công; ông O bán tràm, có ông Minh xác n ; phần đất này ông O sử dụng từ năm 1984 cho đến năm 2018; ông Đ làm hợp đồng thuê đất với anh T2 chỉ có 10.000m², còn lại gần 19.000m² do ông O sử dụng, giá cho thuê là 10 công chứ không phải 29 công; thủ tục cấp đất cho ông Đ là không khách quan ; ông O ký giáp ranh là do nhầm lẫn và là chỗ anh em ruột nên tin tưởng không xem biên bản và ông O nghĩ là thửa đất khác chứ không phải Thửa số 330.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010 của cụ Lê Văn C1 và cụ Nguyễn Thị T10 chết để lại; để ông đứng tên thửa số 38 (diện tích 4.037m²), loại đất thổ và thửa 41 (diện tích 7.800m²), loại đất cây lâu năm (theo sổ thửa củ là thửa 204); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông phần đất ngang 15m x dài đến kênh kiến thiết thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu thực hiện theo Tờ phân chia tại phần đất thửa 208, 210 để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất trên; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho từ ông Lê Văn Đ sang qua cho ông Lê Văn C và yêu cầu ông Đ và ông C trả lại cho ông phần diện tích đất 17,2 công (đo đạc thực tế 17.987m²) thuộc một phần thửa 330 (nay là thửa 212); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn T2, về việc yêu cầu bà L và anh C trả lại diện tích đất thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.220m²; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T2 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Tờ phân

chia tại thửa 593, một phần thửa 532 (diện tích đo đạc thực tế 12.942,9m²); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Văn C, về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha anh là ông Lê Văn Đ và anh Lê Văn C (theo hợp đồng tặng cho ngày 19/12/2017); công nhận hợp đồng đổi đất giữa cụ Lê Văn C1 và anh Lê Văn T2; yêu cầu được đứng tên phần đất anh đang sử dụng một phần thửa 532, một phần thửa 531 theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010; yêu cầu được đứng tên một phần đất thuộc thửa 387; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Phần đất ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 được chia đất, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

8.1. Ông Lê Văn Đ được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 38 (đất thổ), thửa 41 (đất cây lâu năm) thửa cũ là thửa 204); diện tích đo đạc thực tế 8.215,2m². Trong phạm vi các mốc: M1-M2-M3-M7-M8-M11-M1; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Đ được quản lý và sử dụng phần đường nước thủy lợi có diện tích 316m²; trong phạm vi các mốc: MB-M4-M7-M6-M5-MC-MB; Phần diện tích đường nước còn lại tiếp giáp thửa 329, 330 và thửa 210 thì ông Đ, anh C, bà Lê Thị L cùng sử dụng chung; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.2. Ông Lê Văn O được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 210 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 18.551,7m². Trong phạm vi các mốc: M4-M5-M7-M8-M9-M1-M2-M3-M4; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn O được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 208 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 14.066,9m². Trong phạm vi các mốc: M3-M4-M5-M6-M1-M2-M3; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.3 Anh Lê Văn C tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 330 (đất lúa) nay là thửa 212; diện tích đo đạc thực tế 27.586m². Trong phạm vi các mốc: MH-MF-M6-M17-M16-M15-M13-M12-M10-MH; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn C tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 2.569,6m²; một phần thửa 531 (đất lúa) diện tích đo đạc thực tế 3.114m²; một phần thửa 387 (đất lúa), diện tích đo đạc thực tế 2.184,5m². Trong phạm vi các mốc: M6-M7-M8-M9-M1-M2-M3-M5-M6; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Anh Lê Văn T2 tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 593 (đất thổ) một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 3.088,8m²; Trong phạm vi các mốc: M14-M15-M16-M1-M1-M2-M3-M11-M12-M13-M14. Anh Lê Văn T2 tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 9.854,1m²; Trong phạm vi các mốc: M10-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 29/5/2019; ngày 06/8/2020, ngày 04/01/2022 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 29/5/2019; ngày 24/8/2020, ngày 04/01/2022, ngày 25/01/2022, ngày 14/02/2022 của Công ty TNHH D2).

9. Ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, điều chỉnh để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 được chia.

10. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi thửa đất số 387 (đất lúa), diện tích theo giấy đất 4.220m², tờ bản đồ số 7; số vào sổ: 04051; được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/5/2004 cho anh Lê Văn T2; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; để cấp lại cho bà Lê Thị L và anh Lê Văn C theo đúng hiện trạng sử dụng đất.

11. Bà Lê Thị Liên tiếp quản lý và sử dụng thửa 530 (đất lúa), một phần thửa 531 (đất lúa), một phần thửa 387 (đất lúa); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lê Thị Liên tiếp quản lý, sử dụng và đứng tên thửa đất 329 (đất lúa); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

12.1. Ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; do ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O là người cao tuổi.

12.2. Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo biên lai thu số 0001533, ngày 29 tháng 10 năm 2021; biên lai thu số 0007515 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Lê Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

12.3. Anh Lê Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.575.000 đồng theo biên lai thu số 0001534, ngày 29 tháng 10 năm 2021; biên lai thu số 0007503 ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Lê Văn T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.275.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

13. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

13.1. Ông Lê Văn Đ phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.725.000 đồng (ông Lê Văn Đ đã nộp và đã thanh lý xong).

13.2. Ông Lê Văn O phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 22.500.000 đồng (ông Lê Văn O đã nộp và đã thanh lý xong).

13.3. Anh Lê Văn T2 phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.696.000 đồng (anh Lê Văn T2 đã nộp và đã thanh lý xong).

- Ngày 28/02/2022 ông Lê Văn O kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh H4 đại diện cho ông O phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông O, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh T2, anh T5 phát biểu: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông O, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh C, anh B phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất; tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của ông O yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất thửa số 330 (nay là thửa 212) cho ông O, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các bên đều thừa nhận cụ C1 và cụ T10 có 03 người con gồm: Lê Thị L, Lê Văn O và Lê Văn Đ; cụ C1 chết năm 2013, cụ T10 chết năm 2014, nên những vấn đề này không phải chứng minh.

[2.2] Về nguồn gốc: Các Thửa khác không có kháng cáo thì không xem xét, đối với Thửa đất số 212 (có kháng cáo), xét thấy:

Theo ông Đ trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ C1 và cụ T10. Đất tranh chấp thuộc Thửa số 212, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Cụ C1 và cụ T10 cho ông Đ sử dụng.

Bên ông O cho rằng trong tổng số 25.500m² của Thửa 212 có 15.483,4m² là của ông O. Nguồn gốc đất được ông O khai phá từ năm 1984, được Công ty lâm sản huyện L4 giao đất, thể hiện qua Tờ cam kết ngày 05/12/1984 diện tích 17,28 công. Ông O trồng tràm, khai thác và sử dụng liên tục từ năm 1984 đến 2018 thì xảy ra tranh chấp với anh C. Ông O cho rằng được sự vận động của chính quyền địa phương nên năm 2018 ông O giao đất cho anh C sử dụng trong thời gian đợi kết quả giải quyết của cơ quan chức năng. Ông O đưa ra một số chứng cứ là lời khai của Nguyễn Văn M1 về việc có mua tràm của ông O năm 2011.

Tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 06/5/2021 của UBND xã M lập thì ông O khai nguồn gốc đất của cụ C1 cho nên mâu thuẫn với lời trình bày của ông O trong quá trình giải quyết vụ án.

Qua đánh giá chứng cứ, xác định nguồn gốc đất tranh chấp thuộc Thửa số 212, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là của cụ C1 và cụ T10.

[2.3] Giá trị pháp lý của Tờ phân chia ngày 17/01/2010:

Ngày 17/01/2010 cụ C1 và cụ T10 lập biên bản họp mặt gia đình chia đất cho các con, tại buổi chia đất có mặt: cụ Lê Văn C1, cụ Nguyễn Thị T10, bà Lê Thị L, ông Lê Văn O, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Hồng N1 (là Cán bộ tư pháp xã M, là người viết Tờ phân chia). Nội dung cụ C1 và cụ T10 chia đất cho các con và phần mà cụ C1 và cụ T10 giữ lại.

Xét thấy văn bản Tờ phân chia ngày 17/01/2010 thể hiện ý chí tự nguyện của cụ C1 và cụ T10 về việc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất, đồng thời có mặt đầy đủ 03 người con được phân chia, có ông N1 làm chứng. Tất cả đều có ký tên, công nhận và đã thực hiện, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của ông O thừa nhận ông O có ký tên. Bên ông O cho rằng ghi phần đất tranh chấp vào Tờ phân chia ngày 17/01/2010 ông O không đồng ý, nhưng không có cơ sở nào chứng minh và không có ghi ý kiến không đồng ý của ông O vào văn bản Tờ phân chia.

Như vậy, có cơ sở xác định Tờ phân chia ngày 17/01/2010 là văn bản hợp pháp.

[2.4] Vị trí phần đất tranh chấp có hay không có nằm trong nội dung của Tờ phân chia ngày 17/01/2010:

Ông Đ thì cho rằng phần đất tranh chấp có nằm trong nội dung của Tờ phân chia ngày 17/01/2010 và ông Đ yêu cầu được đứng tên phần đất thổ cư và cây lâu năm (hiện trạng trên đất có căn nhà của anh C xây dựng để ở và thờ cúng cụ C1 và cụ T10).

Người đại diện của ông O thì cho rằng phần đất tranh chấp không nằm trong nội dung của Tờ phân chia ngày 17/01/2010 và phần đất này do ông O bồi hoàn thành quả lao động cho ông Năm N3 để nhận đất.

Theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010 có nội dung: “...*Còn lại cho Lê Văn Đ, đông giáp kênh M, tây giáp L, nam giáp On, bắc giáp 7 Bé, 10 Lành*”.

Xét thấy vị trí đất trong Tờ phân chia và vị trí đất đang tranh chấp theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ đo đạc là trùng khớp với nhau. Đất hiện anh C đứng tên và quản lý sử dụng (có một phần cho anh T2 thuê). Nên xác định vị trí đất tranh chấp Thửa 212 nằm trong Tờ phân chia ngày 17/01/2010.

[2.5] Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa số 212:

Thửa số 212, diện tích 25.500m² phần đất này cụ C1 đứng tên trên Sổ mục kê (Ủy ban nhân dân xã M xác nhận cụ C1 đứng tên trên Sổ mục kê, thửa trước đây là thửa 206), ngày 17/01/2010 cụ C1 cho ông Đ.

Theo hồ sơ đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa số 330 có nội dung do UBND xã M ghi: “*Nhận tặng cho quyền sử dụng đất của*

cha mẹ Lê Văn C1 vào năm 2002, sử dụng đất ổn định tới nay”. Ngày 04/3/2013 ông Đ đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 212 (hồ sơ cấp đất có ông O ký tên chủ đất sử dụng liền kề).

Ngày 19/12/2017 ông Đ ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 212 cho con là Lê Văn C, ngày 11/01/2018 anh C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 576/UBND-NC ngày 07/8/2018 về việc trả lời đơn khiếu nại về việc cấp đất thửa đất 212 cho ông Đ, Ủy ban nhân dân huyện T trả lời nguồn gốc đất thửa 212 do cụ C1 tự khai mở vào năm 1975 để trồng tràm. Ngày 17/01/2010 cụ C1 làm Tờ phân chia đất này cho ông Đ, ông Đ đã đăng ký và được cấp đất theo đúng quy định.

[2.6] Quá trình sử dụng đất:

Ngày 21/8/2014 ông Đ có ký hợp đồng cho anh Lê Văn T2 (con ông O) thuê thửa đất số 330, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/01/2018 với giá 10 triệu đồng/một năm. Xác nhận của 02 chủ đất giáp ranh với thửa 330 là ông Lê Văn L2 và ông Lê Văn T11 xác nhận từ năm 2012 trở về trước thửa 330 là đất tràm do cụ C1 canh tác.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông O yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho thửa 212 giữa ông Đ và anh C, buộc ông Đ trả lại cho ông O một phần thửa 212 với diện tích là 15.483,4m² là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông O. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn thuộc diện người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn O.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 166, 609, 610, 612, 613, 616, 617, 618, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010 của cụ Lê Văn C1 và cụ Nguyễn Thị T10 chết để lại; để ông đứng tên thửa số 38 (diện tích 4.037m²), loại đất thổ và thửa 41 (diện tích 7.800m²), loại đất cây lâu năm (theo số thửa cũ là thửa 204); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông phần đất ngang 15m x dài đến kênh kiến thiết thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu thực hiện theo Tờ phân chia tại phần đất thửa 208, 210 để ông được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất trên; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn O về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho từ ông Lê Văn Đ sang qua cho ông Lê Văn C và yêu cầu ông Đ và ông C trả lại cho ông phần diện tích đất 17,2 công (đo đạc thực tế 17.987m²) thuộc một phần thửa 330 (nay là thửa 212); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn T2, về việc yêu cầu bà L và anh C trả lại diện tích đất thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.220m²; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T2 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Tờ phân chia tại thửa 593, một phần thửa 532 (diện tích đo đạc thực tế 12.942,9m²); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Văn C, về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha anh là ông Lê Văn Đ và anh Lê Văn C (theo hợp đồng tặng cho ngày 19/12/2017); công nhận hợp đồng đổi đất giữa cụ Lê Văn C1 và anh Lê Văn T2; yêu cầu được đứng tên phần đất anh đang sử dụng một phần thửa 532, một phần thửa 531 theo Tờ phân chia ngày 17/01/2010; yêu cầu được đứng tên một phần đất thuộc thửa 387; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Phần đất ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 được chia đất, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

8.1. Ông Lê Văn Đ được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 38 (đất thổ), thửa 41 (đất cây lâu năm) thửa củ là thửa 204); diện tích đo đạc thực tế 8.215,2m². Trong phạm vi các mốc: M1-M2-M3-M7-M8-M11-M1; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Đ được quản lý và sử dụng phần đường nước thủy lợi có diện tích 316m²; trong phạm vi các mốc: MB-M4-M7-M6-M5-MC-MB; Phần diện tích đường nước còn lại tiếp giáp thửa 329, 330 và thửa 210 thì ông Lê Văn Đ, anh Lê Văn C, bà Lê Thị L cùng sử dụng chung; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.2. Ông Lê Văn O được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa số 210 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế là 18.551,7m². Trong phạm vi các mốc: M4-M5-M7-M8-MA-M2-M3-M4; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn O được quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 208 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 14.066,9m². Trong phạm vi các mốc: M3-M4-M5-M6-M1-M2-M3; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.3. Anh Lê Văn C tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 330 (đất lúa) nay là thửa 212; diện tích đo đạc thực tế 27.586m². Trong phạm vi các mốc: MH-MF-M6-M17-M16-M15-M13-M12-M10-MH; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn C tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 2.569,6m²; một phần thửa 531 (đất lúa) diện tích đo đạc thực tế 3.114m²; một phần thửa 387 (đất lúa), diện tích đo đạc thực tế 2.184,5m². Trong phạm vi các mốc: M6-M7-M8-M9-M1-M2-M3-M5-M6; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8.4. Anh Lê Văn T2 tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 593 (đất thổ) một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 3.088,8m²; Trong phạm vi các mốc: M14-

M15-M16-M1-M1-M2-M3-M11-M12-M13-M14. Anh Lê Văn T2 tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa 532 (đất lúa); diện tích đo đạc thực tế 9.854,1m²; Trong phạm vi các mốc: M10-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 29/5/2019; ngày 06/8/2020, ngày 04/01/2022 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 29/5/2019; ngày 24/8/2020, ngày 04/01/2022, ngày 25/01/2022, ngày 14/02/2022 của Công ty TNHH D2).

9. Ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, điều chỉnh để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn O, anh Lê Văn C và anh Lê Văn T2 được chia.

10. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi thửa đất số 387 (đất lúa), diện tích theo giấy đất 4.220m², tờ bản đồ số 7; số vào sổ: 04051; được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/5/2004 cho anh Lê Văn T2; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; để cấp lại cho bà Lê Thị L và anh Lê Văn C theo đúng hiện trạng sử dụng đất.

11. Bà Lê Thị Liên tiếp quản lý và sử dụng thửa 530 (đất lúa), một phần thửa 531 (đất lúa), một phần thửa 387 (đất lúa); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lê Thị Liên tiếp quản lý, sử dụng và đứng tên thửa đất 329 (đất lúa); đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Về án phí:

+ Ông Lê Văn Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; do ông Lê Văn Đ là người cao tuổi.

+ Ông Lê Văn O, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; do ông Lê Văn O là người cao tuổi.

+ Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo biên lai thu số 0001533, ngày 29 tháng 10 năm 2021; biên lai thu số 0007515 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Lê Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Anh Lê Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.575.000 đồng theo biên lai thu số 0001534, ngày 29 tháng 10 năm 2021; biên lai thu số 0007503 ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Lê Văn T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.275.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

13. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

13.1. Ông Lê Văn Đ phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.725.000 đồng (ông Lê Văn Đ đã nộp và đã thanh lý xong).

13.2. Ông Lê Văn O phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 22.500.000 đồng (ông Lê Văn O đã nộp và đã thanh lý xong).

13.3. Anh Lê Văn T2 phải chịu chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.696.000 đồng (anh Lê Văn T2 đã nộp và đã thanh lý xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông